



zhào lìng

诏令

noun · imperial order, decree

Example Sentence

Huáng dì fā bù le yī dào zhào lìng yāo qiú quán guó qīng zhù xīn nián
皇帝发布了一道诏令，要求全国庆祝新年。

The emperor issued an imperial order
requiring the whole country to celebrate the
New Year.

Trace each character, then write the word on your own.

诏	诏	诏	诏	诏	诏	诏	诏	诏	诏
令	令	令	令	令	令	令	令		